

Số: 99 /BC-UBND

Bình Định, ngày 20 tháng 06 năm 2023

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Định 6 tháng đầu năm 2023

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ theo quy định của Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Định báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính 6 tháng đầu năm năm 2023 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá về công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính

Ngay từ đầu năm 2023, với tinh thần quyết liệt đổi mới, sáng tạo, UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị toàn tỉnh triển khai nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2023, quán triệt các sở, ban, ngành, địa phương đổi mới phong cách chỉ đạo, điều hành và triển khai theo hướng “*làm gương, kỷ cương, trọng tâm, bíрт phá*”¹ tập trung vào phát triển kinh tế xã hội phải gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính; giải quyết các nút thắt, điểm nghẽn, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp phát triển kinh tế. Triển khai Công điện số 280/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo² các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm việc chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc “*không đùn đẩy hoặc chuyển công việc thuộc thẩm quyền của đơn vị mình lên cấp trên hoặc đến các cơ quan, đơn vị, địa phương khác*” đảm bảo kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành. Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2023 đảm bảo chất lượng, đúng thời gian quy định³ và định kỳ hàng tháng tổ chức Hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến các sở, ban, ngành và 11 huyện, thị xã, thành phố để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ điều hành phát triển kinh tế - xã hội trong tháng và triển khai nhiệm vụ của tháng tiếp theo.

Ngày 06/4/2023, Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy về “Cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính giai đoạn 2020 – 2025” đã tổ chức phiên họp

¹ Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và giải pháp chủ yếu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 trên địa bàn tỉnh.

² Công văn số 2953/UBND-NC ngày 12/5/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Công điện số 280/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

³ Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác trọng tâm năm 2023.

thứ ba đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm đến cuối năm 2023. Tại cuộc họp, Trưởng Ban Chỉ đạo đã chỉ đạo tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Quyết định 3809/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 09; đồng thời, đề nghị các thành viên Ban Chỉ đạo lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được phân công, thường xuyên theo dõi, báo cáo kết quả thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo trong thời gian tới. Ban Chỉ đạo đã ban hành Kế hoạch sơ kết giữa nhiệm kỳ⁴ và Kế hoạch kiểm tra năm 2023⁵ nhằm đánh giá đúng thực trạng công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ đã đề ra; đánh giá những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân; những mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả và bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính của các cơ quan trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở nội dung cuộc họp, Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Chỉ đạo đã ký Thông báo số 06-TB/BCĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về kết luận phiên họp thứ ba của Ban Chỉ đạo Chương trình hành động 09-CTr/TU ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tỉnh ủy.

Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định kiện toàn⁶ và Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh Bình Định⁷. Theo đó, Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo đã quy định rõ về nguyên tắc, chế độ làm việc; nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chỉ đạo và các thành viên Ban Chỉ đạo; chế độ họp, thông tin, báo cáo của Ban Chỉ đạo. Bên cạnh đó, cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo đang hoàn thiện các nội dung chuẩn bị tổ chức thực hiện việc sơ kết giữa nhiệm kỳ, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy về cải cách hành chính.

UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị tổng kết, đánh giá kết quả công tác cải cách hành chính, công bố Quyết định phê duyệt kết quả Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX)⁸, Chỉ số Đo lường sự hài lòng (SIPAS)⁹, Chỉ số năng lực cạnh tranh (DDCI)¹⁰ năm 2022 đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. Tại hội nghị, lãnh đạo UBND tỉnh đã kết luận chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương tập trung rà soát, triển khai, hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính trên tất cả các lĩnh vực, đồng thời, cụ thể hóa 10 nhiệm vụ chủ yếu của công tác cải cách hành chính cần được quan tâm, kiên

⁴ Kế hoạch số 02-KH/BCĐ ngày 12/5/2023 của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU của Tỉnh ủy.

⁵ Kế hoạch số 03-KH/BCĐ ngày 12/5/2023 của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU của Tỉnh ủy.

⁶ Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND tỉnh.

⁷ Quyết định số 57/QĐ-BCĐCCHC ngày 23/5/2023 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính.

⁸ Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 26/1/2022 của UBND tỉnh.

⁹ Quyết định số 4509/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh.

¹⁰ Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 22/2/2023 của UBND tỉnh

trì triển khai thực hiện trong năm 2023¹¹.

Ngay khi Bộ Nội vụ công bố kết quả các chỉ số cải cách hành chính của tỉnh năm 2022: PAR INDEX (đạt 81.78% đứng vị trí 21/63 tỉnh, thành, giảm 03 bậc so với năm 2021), SIPAS (đạt 81.78%, đứng vị trí 21/63 tỉnh, thành phố, tăng 2 bậc so với năm 2021), PAPI (đạt 41.67 điểm, giảm 0.26 điểm, đứng vị trí 38/61 tỉnh thành phố, năm 2021 đứng vị trí 37/60 tỉnh, thành phố), PCI (đạt 66,65 điểm, đứng vị trí 21/63 tỉnh, thành phố, giảm 10 bậc so với năm 2021), UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị thảo luận các giải pháp nâng cao các chỉ số liên quan đến công tác cải cách hành chính của tỉnh. Các chỉ số đã được phân tích, xác định những nội dung giảm điểm để xây dựng kế hoạch cải thiện, nâng cao các chỉ số trên cơ sở tiếp tục duy trì và phát huy những chỉ số thành phần được đánh giá tích cực, có kết quả cao, bên cạnh đó, các chỉ số thành phần có kết quả thấp, chưa đạt kế hoạch đề ra, cần xác định những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể thực hiện để tất cả các tiêu chí, tiêu chí thành phần của các chỉ số có kết quả cao hơn trong năm 2023¹². Sau các cuộc họp, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch cải thiện, nâng cao Chỉ số PCI, PAPI, SIPAS, PAR INDEX năm 2023 của tỉnh¹³; trong đó đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể cho từng chỉ số thành phần, từng lĩnh vực nội dung và phân công trách nhiệm thực hiện cho sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã để đạt được mục tiêu chung đề ra trong năm 2023. Đến nay, đã có 11 cơ quan, địa phương ban hành kế hoạch cải thiện, nâng cao các chỉ số với mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể hóa cho từng đơn vị cụ thể, việc thực hiện phải thực chất, hiệu quả.

2. Triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính

Năm 2023, UBND tỉnh xác định 27 nhiệm vụ trọng tâm trên 6 lĩnh vực của nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh¹⁴. Đến ngày 14 tháng 6 năm 2023, đã hoàn thành **14/27 nhiệm vụ** đề ra, các quyết định, kế hoạch của UBND tỉnh ban hành làm cơ sở triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính theo tiến độ đảm bảo mục tiêu chung đề ra (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Trong 06 tháng đầu năm, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành **65 văn bản** chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ hành chính, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo các Nghị quyết của Chính phủ. Việc tổ chức triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính đã được UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ, tích cực thông qua việc 100% các sở, ngành, địa phương kịp thời ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 với các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể. Theo thống kê, trong 6 tháng đầu năm 2023, các cơ quan chuyên môn thuộc

¹¹ Thông báo số 74/TB-UBND ngày 15/3/2023 ý kiến kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Hải Giang tại Hội nghị công bố kết quả các chỉ số cải cách hành chính năm 2022 và triển khai công tác cải cách hành chính năm 2023.

¹² Thông báo số 177/TB-UBND ngày 26/5/2023 về ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Phạm Anh Tuấn tại cuộc họp bàn giải pháp nâng cao kết quả các chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của tỉnh.

¹³ Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 08/6/2023 của UBND tỉnh.

¹⁴ Kế hoạch số 4510/KH-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh.

UBND tỉnh đã ban hành **232 văn bản**, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã ban hành **233 văn bản** để chỉ đạo, đôn đốc, quán triệt thực hiện tốt các nhiệm vụ cải cách hành chính trên từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý. Theo đó, kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 của các cơ quan chuyên môn đã đề ra **477 nhiệm vụ**, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã đề ra **334 nhiệm vụ** và phân công rõ thời gian, trách nhiệm triển khai cho từng đơn vị để tổ chức thực hiện. Tính đến ngày 15/6/2023, các cơ quan chuyên môn đã hoàn thành **276 nhiệm vụ**, đạt tỷ lệ **57.86%** so với kế hoạch; UBND các huyện, thị xã, thành phố đã hoàn thành **173 nhiệm vụ**, đạt tỷ lệ **51.79%** so với kế hoạch đề ra. Một số sở, ngành, địa phương tích cực tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính có kết quả, đạt tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ cao so với kế hoạch ngày trong 6 tháng đầu năm như: Ban Dân tộc 100%, Sở Giao thông và Vận tải 92%, Văn phòng UBND tỉnh 66.67%, Sở Tài chính 66.67%, huyện Vĩnh Thạnh 68%...

3. Về công tác kiểm tra cải cách hành chính

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023¹⁵ kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ trên 6 lĩnh vực của công tác cải cách hành chính tại các cơ quan thuộc UBND tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập và UBND cấp huyện, cấp xã; Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định năm 2023¹⁶.

Trong 6 tháng đầu năm 2023 (tính đến ngày 02/6/2023), Tổ Kiểm tra công vụ của tỉnh đã tiến hành kiểm tra 02 đợt đối với 58 lượt/57 cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh (đợt 1: 29 lượt/29 cơ quan, đơn vị, địa phương; đợt 2: 29 lượt/28 cơ quan, đơn vị, địa phương). Trong quá trình kiểm tra, chỉ một số ít các cơ quan, đơn vị, địa phương còn có hạn chế nhưng không lớn đã được Tổ Kiểm tra công vụ hướng dẫn, nhắc nhở và đề nghị chấn chỉnh, khắc phục ngay. Tổ Kiểm tra công vụ sẽ tiếp tục theo dõi, tăng cường giám sát, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, khắc phục những khuyết điểm, hạn chế trong việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong năm 2023¹⁷.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 11/01/2023 về truyền thông tỉnh Bình Định năm 2023 và Kế hoạch truyền thông về công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2023 (Quyết định số 828/QĐ-UBND ngày 19/3/2023) tập trung tuyên truyền để người dân và cộng đồng doanh nghiệp biết về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội gắn với công tác cải cách hành chính của tỉnh; các sự kiện hội nhập kinh tế quốc tế nổi bật của tỉnh năm 2023; tổ chức **03 hội nghị** về công tác cải cách hành

¹⁵ Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của UBND tỉnh

¹⁶ Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của UBND tỉnh

¹⁷ Báo cáo số 03/BC-TKT ngày 27/02/2023 về kết quả kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Định (đợt 1, năm 2023) của Tổ trưởng Tổ kiểm tra.

chính: Hội công bố các chỉ số liên quan đến công tác cải cách hành chính năm 2022 và triển khai các nhiệm vụ trọng tâm năm 2023; Hội nghị về tập huấn công tác kiểm soát thủ tục hành chính; Hội nghị họp bàn các giải pháp nâng cao các chỉ số và triển khai các nội dung thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (gọi tắt là Đề án 06) trên địa bàn tỉnh.

Trong 6 tháng đầu năm, các cơ quan truyền thông của tỉnh và trên các nền tảng chuyển đổi số đã có gần **200 tin, bài** tuyên truyền về kết quả đánh giá các chỉ số: PAR INDEX, SIPAS, DDCI, triển khai nhiệm vụ công tác cải cách hành chính năm 2023 và các nội dung liên quan đến cải cách hành chính của tỉnh. Trong đó, Đài phát thanh và Truyền hình Bình Định thực hiện phóng sự “Cải cách hành chính hướng đến người dân và doanh nghiệp”; Báo Bình Định xây dựng 03 số Tạp chí truyền hình “Pháp luật và Đời sống”;...

Đồng thời, nhiều sở, ngành địa phương, nổi bật như Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Ngoại vụ, Cục Thuế, Bảo hiểm xã hội, UBND các huyện, thị xã (Hoài Nhơn, Vân Canh, Tây Sơn, Hoài Ân,...) đã thực hiện tốt công tác phổ biến, quán triệt và thông tin, tuyên truyền về công tác cải cách hành chính.

5. Kết quả thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

Đến nay, UBND tỉnh đã triển khai, cập nhật báo cáo và được Văn phòng Chính phủ phê duyệt hoàn thành đối với **170/265 nhiệm vụ** do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trên Hệ thống phần mềm Cơ sở dữ liệu theo dõi của Văn phòng Chính phủ. Trong số **95** nhiệm vụ còn lại: có **01** nhiệm vụ đang chờ Văn phòng Chính phủ xác nhận hoàn thành, **94** nhiệm vụ đang triển khai thực hiện và còn trong hạn. Không có nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL):

Trong kỳ, tỉnh Bình Định đã ban hành 94 VBQPPL của HĐND, UBND; trong đó, HĐND, UBND tỉnh ban hành **60** VBQPPL (18 nghị quyết, 42 quyết định); HĐND, UBND cấp huyện ban hành **34** VBQPPL (10 nghị quyết, 24 quyết định); HĐND, UBND cấp xã không ban hành VBQPPL. Các văn bản do HĐND, UBND các cấp ban hành cơ bản đảm bảo trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý nhà nước, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, tạo môi trường và hành lang pháp lý đảm bảo cho việc phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống tinh thần, vật chất cho người dân.

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật (THTHPL): UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định¹⁸. Trên cơ sở Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 28/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã chỉ đạo xác

¹⁸ Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của UBND tỉnh

định lĩnh vực trọng tâm, liên ngành theo dõi THTHPL năm 2023, trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm cần theo dõi trong năm 2023.

- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: UBND tỉnh đã ban hành: Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023¹⁹; Kế hoạch về tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước cho thanh niên từ nay đến năm 2030²⁰; Kế hoạch về phổ biến các văn bản luật được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 4 và Kỳ họp bất thường lần thứ hai²¹; Báo cáo về Kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022²²; ban hành kế hoạch và tổ chức lấy ý kiến dự thảo Luật đất đai sửa đổi; ban hành Kế hoạch tổ chức Cuộc thi “Hòa giải viên giỏi” năm 2023 trên địa bàn tỉnh²³; Kế hoạch hoạt động của Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh năm 2023²⁴; Kế hoạch Tập huấn kiến thức pháp luật và kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho Báo cáo viên pháp luật tỉnh²⁵; Kế hoạch tổng kết 10 năm thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh²⁶; Kế hoạch nâng cao khả năng tiếp cận pháp luật cho thanh niên đến năm 2030²⁷...

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho học sinh là đoàn viên, thanh niên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại 02 Trường Phổ thông Dân tộc nội trú²⁸ nhằm trang bị, nâng cao kiến thức pháp luật về hôn nhân và gia đình; về kết hôn, tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống. Qua đó, góp phần thay đổi nhận thức, hành vi trong hôn nhân của đồng bào dân tộc thiểu số; ngăn chặn, hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. UBND tỉnh tổ chức Cuộc thi “Hòa giải viên giỏi” tỉnh Bình Định năm 2023 nhằm tạo diễn đàn giao lưu, học tập, trao đổi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức pháp luật, kỹ năng, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên; góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh.

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa VBQPPL:

+ Công tác tự kiểm tra: Thực hiện tự kiểm tra 60 VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành (18 nghị quyết, 42 quyết định). Kết quả, các văn bản do UBND tỉnh ban hành đều đảm bảo quy định về thẩm quyền ban hành; căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản cơ bản phù hợp với quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

¹⁹ Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 của UBND tỉnh

²⁰ Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 15/02/2023 của UBND tỉnh

²¹ Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 23/02/2023 của UBND tỉnh

²² Báo cáo số 24/BC-UBND ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh

²³ Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh

²⁴ Kế hoạch số 43/KH-HĐPB ngày 12/4/2023 của UBND tỉnh

²⁵ Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 12/4/2023 của UBND tỉnh

²⁶ Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 09/5/2023 của UBND tỉnh

²⁷ Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 05/6/2023 của UBND tỉnh

²⁸ Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Vân Canh và huyện Vĩnh Thạnh, với 02 hoạt động chính là phổ biến kiến thức pháp luật và thi tìm hiểu pháp luật dưới hình thức rung chuông vàng.

+ Công tác kiểm tra theo thẩm quyền: thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền **34/34 VBQPPL** do HĐND, UBND cấp huyện ban hành (10 nghị quyết, 24 quyết định). Qua kiểm tra, chưa phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật về nội dung và thẩm quyền.

+ Về công tác rà soát VBQPPL: Công tác rà soát được thực hiện thường xuyên, kịp thời và đúng theo quy định của pháp luật. Các sở, ban, ngành đã tiến hành rà soát và tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành các VBQPPL để thay thế **34 văn bản**, trong đó có 07 nghị quyết và 27 quyết định. Ngoài ra, thực hiện theo quy định tại Điều 157 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP về công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực, Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố Danh mục VBQPPL của HĐND, UBND tỉnh hết hiệu lực toàn bộ và hết hiệu lực một phần năm 2022²⁹. Theo đó, có **59 văn bản** hết hiệu lực toàn bộ, **23 văn bản** hết hiệu lực một phần.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

Trong 6 tháng đầu năm 2023, Chủ tịch UBND tỉnh, UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo điều hành nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng của công tác kiểm soát TTHC gắn với giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và công tác cải cách TTHC, một số kết quả chủ yếu đạt được như sau:

- **Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC:** trong 6 tháng đầu năm 2023, Chủ tịch UBND tỉnh đã thông qua phương án đơn giản hóa **18 TTHC**, số tiền tiết kiệm được sau khi đơn giản hóa đạt hơn **8 tỷ đồng/năm**, tỷ lệ chi phí tiết kiệm được từ **3,89% đến 54%**. UBND tỉnh đã ban hành Công văn³⁰ kiến nghị Bộ Giao thông vận tải đơn giản hóa thành phần hồ sơ Dịch vụ công “Đổi giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp” (bao gồm thành phần: Giấy phép lái xe và Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân; do đã liên thông dữ liệu quản lý) để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục tổng kiểm tra, rà soát để tham mưu các cấp có thẩm quyền đơn giản hóa thành phần hồ sơ, cắt bỏ các TTHC, các bước trung gian không cần thiết làm tăng chi phí, thời gian thực hiện, gây phiền hà, ách tắc, tiêu cực cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp³¹.

- **Về công bố danh mục TTHC:** Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 35 Quyết định công bố Danh mục **353 TTHC** (ban hành mới 25 TTHC; sửa đổi, bổ sung 290 TTHC; thay thế 02 TTHC; bãi bỏ 36 TTHC), **36** Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết **59 TTHC** liên thông và **69 TTHC** không liên thông; đồng thời, thực hiện việc tích hợp dữ liệu và nhập sửa đổi, bổ sung thông tin các TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo quy định.

²⁹ Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh

³⁰ Công văn số 2098/UBND-KSTT ngày 10/4/2023 của UBND tỉnh.

³¹ Công văn số 3681/UBND-KSTT ngày 07/6/2023 về triển khai các nhiệm vụ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ.

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

+ UBND tỉnh ban hành Đề án “Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh”³², Quyết định phê duyệt tạm thời mức chi nhân công để lập dự toán đấu thầu thuê doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Định³³. Trên cơ sở đó, Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch và dự toán chi tiết để triển khai thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh³⁴.

+ Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch³⁵ tổ chức tập huấn chuyển đổi số trong công tác kiểm soát TTHC nhằm giúp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị, địa phương nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ để triển khai hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm của công tác kiểm soát TTHC, góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

+ Nhằm khắc phục một số nội dung liên quan đến Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát, tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC, cắt giảm khâu trung gian không cần thiết trong quá trình giải quyết hồ sơ³⁶; đến nay, đã phê duyệt quy trình nội bộ được tái cấu trúc đối với **13 TTHC** thuộc phạm vi quản lý của các Sở: Nội vụ (01 TTHC), Du lịch (06 TTHC), Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (05 TTHC), Tư pháp (01 TTHC).

Ngoài ra, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành **09 văn bản** kiến nghị Bộ, ngành Trung ương³⁷ rà soát, điều chỉnh việc công khai 118 TTHC theo “NGÀY LÀM VIỆC” theo đúng quy định của VBQPPL. Đến nay, đã có **05 Bộ**³⁸ có văn bản phản hồi, tiếp thu kiến nghị của tỉnh và điều chỉnh thời gian công khai TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo đúng quy định.

³² Quyết định số 4294/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh.

³³ Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh.

³⁴ Quyết định số 68/QĐ-VPUBND ngày 18/5/2023 của Văn phòng UBND tỉnh.

³⁵ Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 20/02/2023 của UBND tỉnh.

³⁶ Công văn số 2468/UBND-KSTT ngày 21/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh khắc phục một số nội dung liên quan đến Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp.

³⁷ Công văn số 2706/UBND-KSTT ngày 28/4/2023 gửi **Bộ Khoa học và Công nghệ**; Công văn số 2707/UBND-KSTT ngày 28/4/2023 gửi **Bộ Lao động – TBXH**; Công văn số 2708/UBND-KSTT ngày 28/4/2023 gửi **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**; Công văn số 2709/UBND-KSTT ngày 28/4/2023 gửi **Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**; Công văn số 2710/UBND-KSTT ngày 28/4/2023 gửi **Bộ Công Thương**; Công văn số 2762/UBND-KSTT ngày 05/5/2023 gửi **Bộ Thông tin và Truyền thông**; Công văn số 2766/UBND-KSTT ngày 05/5/2023 gửi **Bộ Nông nghiệp và PTNT**; Công văn số 2798/UBND-KSTT ngày 05/5/2023 gửi **Bộ Tư pháp**; Công văn số 2960/UBND-KSTT ngày 12/5/2023 gửi **Bộ Tài nguyên và Môi trường**.

³⁸ - **05 Bộ**: Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công Thương, Tư pháp.

- **02 Bộ** chưa có văn bản phản hồi, chưa điều chỉnh TTHC: Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông.

- **02 Bộ** không có văn bản phản hồi nhưng đã tiến hành điều chỉnh TTHC: Bộ Nông nghiệp và PTNT (điều chỉnh 04/05 TTHC theo kiến nghị), Bộ Lao động – TBXH (điều chỉnh 08/11 TTHC theo kiến nghị).

- Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC: UBND tỉnh chỉ đạo quyết liệt, chấn chỉnh việc giải quyết hồ sơ TTHC trễ hạn tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; trong đó có giải pháp định kỳ hằng tháng công khai danh sách tổ chức, cá nhân giải quyết chậm/muộn hồ sơ thủ tục hành chính kể từ tháng 4/2022³⁹. Đến nay, tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trước hạn, đúng hạn của toàn tỉnh đạt **99,90% tăng 0,3%** so với cùng kỳ năm trước.

Kết quả từ ngày 15/12/2022 đến hết ngày 14/6/2023, toàn tỉnh đã tiếp nhận **252.642 hồ sơ**, giải quyết và trả kết quả hồ sơ (trong đó, 244.899 hồ sơ trả trước và đúng hạn là 116.493, trễ hạn là 241 hồ sơ), đang giải quyết **7.498 hồ sơ**.

- Kết quả thực hiện việc khai thác, sử dụng thông tin công dân trên “Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh” (đã được kết nối, tích hợp với “Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư”) trong công tác giải quyết thủ tục hành chính:

+ Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện nghiêm quy định về bỏ các giấy tờ liên quan đến thông tin công dân trong công tác giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Bình Định⁴⁰. Theo đó, chỉ đạo nghiêm cấm hành vi yêu cầu công dân: xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú và nộp thành phần hồ sơ là bản sao căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân khi tiếp nhận hồ sơ TTHC.

+ Triển khai thực hiện Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, qua công tác rà soát dữ liệu TTHC do các Bộ, ngành Trung ương công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, UBND tỉnh đã ban hành văn bản⁴¹ kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương⁴² rà soát, thực hiện quy trình sửa đổi, bổ sung các VBQPPL có quy định TTHC yêu cầu nộp bản sao Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân; nộp, xuất trình Sổ hộ khẩu giấy, Sổ tạm trú giấy hoặc giấy xác nhận cư trú, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi thực hiện TTHC không phải nộp hoặc xuất trình các thành phần hồ sơ có thể khai thác dữ liệu, tra cứu thông tin trực tiếp từ “Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư” thông qua việc kết nối, tích hợp, sử dụng “Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh”.

+ Định kỳ hàng tuần, Văn phòng UBND tỉnh thống kê kết quả, tình hình khai thác thông tin công dân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư gửi các sở, ngành, địa phương để đôn đốc, nhắc nhở việc thực hiện. Trong 06 tháng đầu năm, tỷ lệ khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của toàn tỉnh đạt 57.7% (cấp tỉnh đạt 66.66%, cấp huyện đạt 65.28%, cấp xã đạt 51.78%).

³⁹ Theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 2206/UBND-KSTT ngày 26/4/2022

⁴⁰ Công văn số 1227/UBND-KSTT ngày 08/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

⁴¹ Công văn số 3236/UBND-KSTT ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh.

⁴² Các Bộ: Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông, Y tế, Công Thương, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và PTNT, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Lao động – TBXH, Tư pháp.

- Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: UBND tỉnh ban hành Kế hoạch và văn bản⁴³ triển khai, hướng dẫn công tác số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã. Việc triển khai công tác số hóa hồ sơ TTHC tại các sở, ngành địa phương đã có nhiều chuyển biến tích cực. Trong 6 tháng đầu năm, tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC của các sở, ngành thuộc tỉnh đạt 70.41%, UBND cấp huyện đạt 25.3%, UBND cấp xã đạt 34.3%.

- Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: trong 6 tháng đầu năm 2023, Văn phòng UBND tỉnh đã tiếp nhận 28 phản ánh, kiến nghị gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, qua đó xử lý, chuyển cơ quan chức năng trả lời và công khai theo đúng quy định.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh⁴⁴, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã thành lập đường dây nóng để tư vấn, giải đáp những vướng mắc cho nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh. Theo đó, đường dây nóng là hệ thống số điện thoại và hộp thư điện tử được công bố và tích hợp tại Mục Đường dây nóng trên Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh và tại các website của các sở, ngành, địa phương.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập: UBND tỉnh ban hành mới quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 05 cơ quan, đơn vị⁴⁵; đến nay đã có **19/20** cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (Thanh tra tỉnh chưa ban hành vì chờ hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ) và 01 tổ chức hành chính khác (Ban quản lý khu kinh tế) ban hành mới quy định chức năng nhiệm vụ; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính theo Kết luận số 6616/KL-BNV ngày 23/12/2022 của Bộ Nội vụ và chỉ đạo của UBND tỉnh; Quyết định tổ chức lại Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm tỉnh Bình Định thành Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Bình Định. Trình Ban cán sự đảng UBND tỉnh chủ trương bổ sung nhiệm vụ phát triển đô thị và tổ chức lại Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Quy định tiêu chuẩn, điều kiện đối với lãnh đạo hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

- Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch về việc quản lý, sử dụng biên chế của tỉnh giai đoạn 2022 – 2026⁴⁶, mục tiêu tổng quát giai đoạn 2022 - 2026, các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tinh giản biên chế đảm bảo tinh giản 5% biên chế công chức và 10% số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Theo đó,

⁴³ Quyết định số 4023/QĐ-UBND ngày 2/12/2022 của UBND tỉnh.

⁴⁴ Công văn số 3744/UBND-VX ngày 09/0/2023 của UBND tỉnh về việc thực hiện hoàn thiện quy trình hoạt động đường dây nóng để tư vấn, giải đáp những vướng mắc cho nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Định.

⁴⁵ Sở Thông tin và Truyền thông; Trung tâm Xúc tiến đầu tư tỉnh, Trung tâm Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Trung tâm Văn hóa tỉnh thuộc Sở Văn hóa và Thể thao; Trung tâm Dịch vụ việc làm Bình Định trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

⁴⁶ Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh

tổng số biên chế công chức của các tổ chức hành chính nhà nước đến hết năm 2026 là 2.095 biên chế, giảm 110 biên chế (tỷ lệ 5%), tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập đến hết năm 2026 là 24.318 người, giảm 2.702 người (tỷ lệ 10%) đảm bảo theo quy định tại Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026; Quyết định số 60-QĐ/BTCTW ngày 28/9/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về việc biên chế của tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2026.

Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định giao biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh năm 2023⁴⁷, cụ thể: tổng số biên chế công chức trong các cơ quan hành chính là **2.187 biên chế** (giảm 18 biên chế so với năm 2022); tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập là **25.938 người** (giảm 541 người so với năm 2022).

- Thực hiện chính sách tinh giản biên chế: UBND tỉnh phê duyệt chính sách tinh giản biên chế năm 2023 theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP đối với **36** cán bộ, công chức, viên chức⁴⁸ với tổng số kinh phí là **5.998.444.000 đồng**⁴⁹.

Đến nay, tỉnh đã thực hiện tinh giản **268 biên chế** công chức so với biên chế được giao năm 2015 (2.455 biên chế), tỷ lệ **10,92%**; **giảm 4.090 người** so với số được giao năm 2015 (30.028 người làm việc), tỷ lệ **13,62%**.

- Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền: Nhằm tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền; phát huy tính chủ động, sáng tạo, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, nhất là người đứng đầu, thực hiện tốt việc kiểm soát quyền lực nhà nước, góp phần xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phục vụ nhân dân, UBND tỉnh đã trình Ban cán sự Đảng thông qua Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước. Kế hoạch xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm giữa UBND tỉnh với các sở, ngành và UBND cấp huyện nhằm đảm bảo sự quản lý thống nhất, phát huy được tính chủ động, trách nhiệm và tinh thần sáng tạo của các sở, ngành và các cấp chính quyền địa phương, khắc phục tình trạng đùn đẩy trách nhiệm; đồng thời qua đó nâng cao trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn kiểm tra,

⁴⁷ Quyết định số 4507/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh

⁴⁸ Trong đó có: 07 cán bộ, công chức; 29 viên chức

⁴⁹ Trong đó phê duyệt chính sách tinh giản biên chế đợt I năm 2023 đối với 19 cán bộ, công chức, viên chức với tổng số kinh phí là 3.395.514.000 đồng (Quyết định số 4327/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh); phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt II năm 2023 đối với 17 cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện, với tổng số kinh phí là: 2.602.930.000 đồng (Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh).

thanh tra trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được phân cấp góp phần thực hiện tốt việc cải cách hành chính và hoàn thành tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - chính trị trên địa bàn tỉnh.

4. Về cải cách chế độ công vụ

- UBND tỉnh ban hành và triển khai thực hiện Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 về ban hành Quy chế quản lý hồ sơ viên chức tỉnh Bình Định; hoàn thiện, sửa đổi quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức theo đúng quy định hiện hành của Đảng và Chính phủ; hướng dẫn quy trình thực hiện công tác cán bộ trong khối các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- **Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức:** Triển khai thực hiện các Thông tư số 11/2022/TT-BNV, 12/2022/TT-BNV và 13/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ; hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập và hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức.

- **Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển):** Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm công chức năm 2023 đối với **16** viên chức và cán bộ, công chức cấp xã bảo đảm theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định; tiếp nhận vào làm công chức để bổ nhiệm lãnh đạo, quản lý đối với **02** viên chức. Đồng thời, ban hành văn bản hướng dẫn việc thực hiện công tác tuyển dụng công chức năm 2023 tại các cơ quan, địa phương⁵⁰.

UBND tỉnh phê duyệt nhu cầu thu hút bác sĩ, được sĩ làm vào việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế, với 117 chỉ tiêu. Đến nay, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã thực hiện tuyển dụng đối với 456 viên chức (trong đó có 449 viên chức theo chỉ tiêu được phê duyệt năm 2022).

- **Kết quả đánh giá cán bộ năm 2022:** Ban Thường vụ Tỉnh ủy đánh giá, xếp loại đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý năm 2022: đối với Giám đốc Sở và tương đương: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ **1/21** (4,76%), hoàn thành tốt nhiệm vụ: **20/21** (95,24%); đối với Phó Giám đốc Sở và tương đương: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ **5/58** (8,62%), hoàn thành tốt nhiệm vụ **53/58** (91,38%); kết quả xếp loại chất lượng đối với 25.926 cán bộ, công chức, viên chức nhà nước: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: **7.948** người, hoàn thành tốt nhiệm vụ: **17.380** người; hoàn thành nhiệm vụ: **514**; không hoàn thành nhiệm vụ: **84** người.

- **Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức:** Các nội dung về công tác cán bộ, bảo đảm theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Ưu tiên lựa chọn, bố trí cán bộ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý, đến nay đã bố trí

⁵⁰ Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại trực thuộc Sở Công Thương; thực hiện tiếp nhận vào làm việc tại Ban Quản lý Dự án các công trình giao thông tỉnh.

13/20 (tỷ lệ 65%) cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh có cán bộ lãnh đạo là nữ. Căn cứ vào kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban cán sự đảng UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý theo thẩm quyền, cụ thể: bổ nhiệm 02 Phó Giám đốc Sở⁵¹; điều động, bổ nhiệm 03 Giám đốc Sở và 01 Phó Giám đốc Sở⁵²; bổ nhiệm lại 03 Phó Giám đốc Sở⁵³ và kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế; bổ nhiệm lại Kiểm soát viên Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh; bổ nhiệm Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 – 2025; bổ nhiệm Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh, Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh, Phó Giám đốc Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn; bổ nhiệm lại Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, Phó Giám đốc Sở Tư pháp, Phó Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; theo đó các cơ quan, đơn vị đã hoàn thành quy trình, thủ tục và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2020 - 2025 và nhiệm kỳ 2026 - 2031. Đến nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy bổ sung quy hoạch đối với 40 trường hợp (nhiệm kỳ 2020 - 2025: 15 trường hợp và nhiệm kỳ 2026 - 2031: 25 trường hợp); Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền đối 23 lượt cán bộ.

- Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị: UBND tỉnh ban hành Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 05/4/2023 xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Lưu trữ viên trung cấp lên Lưu trữ viên tỉnh Bình Định năm 2023; Đề án số 03/ĐA-UBND ngày 18/5/2023 tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức lên chuyên viên và tương đương của tỉnh Bình Định năm 2023; Đề án số 04/ĐA-UBND ngày 18/5/2023 tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức lên chuyên viên chính và tương đương của tỉnh Bình Định năm 2023.

UBND tỉnh cử 04 cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý dự thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên cao cấp năm 2023; quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương Bác sĩ cao cấp (hạng I) đối với 04 viên chức ngành y tế; bổ nhiệm ngạch thanh tra viên chính đối với 01 công chức và bổ nhiệm ngạch thanh tra viên đối với 15 công chức. Giám đốc Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với 17 viên chức ngành Y tế theo thẩm quyền phân cấp (gồm 08 viên chức bác sĩ chính (hạng II), 03 viên chức điều dưỡng hạng II, 04 viên chức Kỹ thuật y hạng II, 02 viên chức y tế công cộng chính) đã trúng tuyển kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2022. UBND tỉnh phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề

⁵¹ Phó Giám đốc Sở Xây dựng, Phó Giám đốc Sở Công Thương

⁵² Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động – Thương binh và Xã hội và 01 Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

⁵³ Phó Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư và Phó Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh

ng nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế năm 2023 là 384 chỉ tiêu.

- **Thực hiện chính sách, tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức:** Thực hiện các quy định về chế độ chính sách và tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý kịp thời, đúng quy định. Đến nay, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định nâng lương thường xuyên đối với 16 người; nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích 08 người; nâng mức phụ cấp thâm niên vượt khung 02 người; phụ cấp thâm niên nghề 02 công chức, viên chức; nâng bậc lương trước thời hạn để nghỉ hưu 04 người.

Thực hiện chế độ thông báo nghỉ hưu đối với 02 người⁵⁴; quyết định nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đối với 04 người⁵⁵; quyết định kỷ luật đối với 01 cán bộ⁵⁶.

- **Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức:** UBND tỉnh đã ban hành và chỉ đạo triển khai Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023⁵⁷; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2023 - 2025⁵⁸, nhằm mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý nhà nước, thực thi công vụ, gắn với chuyển đổi số, nâng cao năng lực, kỹ năng quản trị của đội ngũ công chức và chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ viên chức đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới, phấn đấu đến năm 2030 hình thành đội ngũ chuyển gia trên một số lĩnh vực theo yêu cầu phát triển của tỉnh. (đến nay đã tổ chức **02 lớp**, với **158 học viên**); tiếp tục chuẩn bị các điều kiện để tổ chức các lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính và lãnh đạo, quản lý cấp phòng, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Cử 122 cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp (59 người), lãnh đạo cấp sở (44 người) và lãnh đạo cấp huyện (19 người).

Xây dựng nội dung, đội ngũ báo cáo viên thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã đáp ứng yêu cầu thực hiện chính quyền điện tử, chính quyền số giai đoạn 2023 - 2025⁵⁹. Kết quả, đã tổ chức 24 lớp đào tạo, bồi dưỡng trong 03 đợt (mỗi đợt có 08 lớp) cho 1.702/1.737 cán bộ, công chức cấp xã (đạt 97,98% trong tổng số cán bộ, công chức được triệu tập); có 35 cán bộ, công chức không tham dự vì nhiều lý do khác nhau như: đang học cao cấp chính trị, đang điều trị bệnh, nghỉ thai sản..., cụ thể:

⁵⁴ Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai, Phó Giám đốc Sở Tài chính; ông Nguyễn Văn Hùng, Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

⁵⁵ Ông Nguyễn Mỹ Quang, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; ông Phạm Văn Thủy, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh; bà Nguyễn Thị Tuyết Mai, Phó Giám đốc Sở Tài chính; ông Phạm Đình Tòng, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư

⁵⁶ Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn do đã có vi phạm, khuyết điểm trong công tác và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đã thi hành kỷ luật đảng.

⁵⁷ Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 14/02/2023 của UBND tỉnh

⁵⁸ Quyết định số 2106/QĐ-UBND ngày 13/6/2023 của UBND tỉnh

⁵⁹ Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 02/02/2023

+ Đợt 1 (từ ngày 16 - 18/3/2023): tổ chức tại thị xã Hoài Nhơn, đào tạo, bồi dưỡng cho 673/678 cán bộ, công chức thuộc 61 xã, phường, thị trấn của các huyện An Lão, Hoài Ân, Phù Mỹ và thị xã Hoài Nhơn, với 1.221 lượt cán bộ, công chức.

+ Đợt 2 (từ 24 - 26/3/2023): tổ chức tại thị xã An Nhơn, đào tạo, bồi dưỡng cho 577/597 cán bộ, công chức thuộc 57 xã, phường, thị trấn của các huyện Phù Cát, Tây Sơn, Vĩnh Thạnh và thị xã An Nhơn, với 1.096 lượt cán bộ, công chức.

+ Đợt 3 (từ 31/3 - 02/4/2023): tổ chức tại thành phố Quy Nhơn, đào tạo, bồi dưỡng cho 452/462 cán bộ, công chức thuộc 41 xã, phường, thị trấn của các huyện Tuy Phước, Vân Canh và thành phố Quy Nhơn, với 846 lượt cán bộ, công chức.

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, địa phương: UBND tỉnh chỉ đạo tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đổi mới phương thức, lề lối làm việc, kiên quyết xử lý theo quy định những cán bộ, công chức, viên chức có hành vi những nhiều, tiêu cực, tự ý đặt ra thủ tục hành chính không đúng quy định hoặc dè dặt, muộn hờ sơ giải quyết thủ tục hành chính, vi phạm đạo đức công vụ.

UBND tỉnh ban hành Công văn số 982/UBND-NC ngày 28/02/2023 chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức⁶⁰. Kết quả đã có **39/39** cơ quan, đơn vị, địa phương (28/28 cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; 11/11 UBND cấp huyện) ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức, với **258** vị trí công tác trong năm 2023. Tính đến ngày 14/6/2023, đã có **116** cán bộ, công chức, viên chức, **16** cơ quan, đơn vị, địa phương⁶¹ thực hiện chuyển đổi vị trí công tác.

- Tình hình cập nhật cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức: Tổng số cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã, hợp đồng lao động của tỉnh Bình Định (tính đến tháng 5/2023) là **31.606 người**. Trong đó: cán bộ, công chức: 2.046 người; viên chức: 26.058 người; cán bộ, công chức cấp xã: 3.079 người; lao động hợp đồng: 423 người.

Đến nay, đã có 31.606 (đạt tỷ lệ 100%) cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã, hợp đồng lao động kê khai, cập nhật, bù đắp dữ liệu vào cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Bình Định. Trong đó, số lượng hồ sơ đã được kết nối, chia sẻ, đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức do Bộ Nội vụ quản lý là 31.606 hồ sơ (đạt tỷ lệ 100%).

5. Về cải cách tài chính công

Trong 05 tháng đầu năm 2023, căn cứ vào dự toán đã được HĐND các cấp thông qua, các cơ quan tài chính đã tiến hành nhập dự toán kinh phí cho các đơn vị trên hệ thống thông tin quản lý ngân sách nhà nước và kho bạc (TABMIS) và thực hiện thẩm tra dự toán theo quy định để đảm bảo đủ điều kiện

⁶⁰ Công văn số 982/UBND-NC ngày 28/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh

⁶¹ 14 sở, ban, ngành và 02 UBND cấp huyện

chi ngân sách nhà nước cho các đơn vị theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời tiết kiệm, ngăn ngừa hành vi tham nhũng, lãng phí. Bên cạnh đó, các cấp chính quyền đã linh hoạt, chủ động điều hành ngân sách để xử lý kịp thời khi có những nhiệm vụ đột xuất, bức xúc liên quan đến nhiệm vụ của địa phương.

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách

+ Về thu ngân sách nhà nước: Tổng thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn (chưa kể thu vay, huy động đóng góp, thu bổ sung từ ngân sách Trung ương) thực hiện **3.824.407** triệu đồng, đạt **28%** so với dự toán, bằng **60,7%** so cùng kỳ năm 2022. Trong đó, thu nội địa thực hiện 3.609.959 triệu đồng, đạt 28,7% dự toán năm, bằng 61,9% so với cùng kỳ. Nếu loại trừ tiền sử dụng đất, thu cổ tức lợi nhuận được chia, lợi nhuận để lại và thu xổ số kiến thiết, thu nội địa thực hiện 2.753.380 triệu đồng, đạt 39,7% dự toán năm, bằng 89,9% so cùng kỳ năm 2022.

Trong cơ cấu nguồn thu, có 09/17 khoản thu thực hiện đạt khá, cao hơn mức bình quân thu 05 tháng so với dự toán năm (phải thu 41,6% so với dự toán năm) như: thu từ DNNN địa phương đạt 41,2% dự toán; thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh đạt 44,8% dự toán; thuế thu nhập cá nhân đạt 68,7% dự toán; thu phí và lệ phí đạt 46,3% dự toán; thu tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước tăng gần gấp 10 lần dự toán; thu tại xã đạt 89,2% dự toán; thu khác đạt 43% dự toán; thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế tăng 2,6 lần so với dự toán; thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 53,7% dự toán.

+ Về chi ngân sách địa phương: Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện **7.241.783** triệu đồng, đạt **38,7%** so với dự toán, bằng **97,6%** so với cùng kỳ. Trong đó, chi ngân sách tỉnh 3.861.050 triệu đồng, đạt 37,2% dự toán năm và chi ngân sách huyện, thị xã, thành phố (kể cả ngân sách xã, phường, thị trấn) 3.380.733 triệu đồng, đạt 40,6% dự toán năm. Chi đầu tư phát triển: thực hiện 1.990.384 triệu đồng, đạt 31,6% dự toán năm và tăng 6% so với cùng kỳ. Chi thường xuyên: thực hiện 3.437.359 triệu đồng, đạt 39,7% dự toán năm và tăng 3,2% so với cùng kỳ.

+ Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công: Kế hoạch vốn năm 2023 (tính đến ngày 31/5/2023): 17.609.049 triệu đồng và đã thanh toán **4.213.910** triệu đồng, đạt **23,93%** so với kế hoạch.

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: UBND tỉnh ban hành Danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Bình Định⁶² thay thế Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 12/02/2022 của UBND tỉnh; trong đó phân công lại đơn vị mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh và đưa một số danh mục tài sản ra khỏi danh mục tài sản mua sắm tập trung của tỉnh, bảo đảm tài sản được đưa vào Danh mục tài sản mua sắm tập trung của tỉnh đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế của địa phương.

⁶² Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 của UBND tỉnh

Hoàn thành thực hiện đấu thầu thành công 01 gói thầu mua sắm tập trung qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia với tổng giá trị dự toán được duyệt là 4.911.570.000 đồng, giá trị trúng thầu là 4.861.000.000 đồng, tiết kiệm cho ngân sách 50.570.000 đồng, đáp ứng kịp thời nhu cầu của các cơ quan, đơn vị sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh và thực hiện đúng theo chủ trương, quy định của Nhà nước. Đồng thời, đang tổ chức đấu thầu 01 gói thầu mua sắm tập trung qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia với tổng giá trị dự toán được duyệt là 12.055.620.000 đồng.

UBND tỉnh ban hành Quyết định⁶³ sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định. Bên cạnh đó, phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý 148 cơ sở nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định. Tiếp tục thực hiện cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu Phần mềm Quản lý tài sản công và báo cáo Bộ Tài chính về tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập: đã thẩm tra Phương án tự chủ tài chính trong giai đoạn ổn định phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế xã hội; dự toán thu, chi năm đầu thời kỳ ổn định và đề xuất phân loại mức độ tự chủ tài chính của đơn vị, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao để trình UBND tỉnh giao cơ chế tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Tính đến thời điểm báo cáo, có tổng cộng 110/134 đơn vị khối tỉnh được giao quyền tự chủ về tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ⁶⁴.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử

- Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số: Ban Thường vụ tỉnh ủy kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Bình Định⁶⁵ với mục tiêu đổi mới căn bản và toàn diện công tác chỉ đạo, điều hành; tập trung nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng; xây dựng, phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành tạo nền tảng xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống xã hội và sự hài lòng của người dân trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh đã ban hành và triển khai Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023, định hướng đến năm 2025⁶⁶; Kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Bình Định đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030⁶⁷; Chỉ thị phát động phong trào thi đua thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn

⁶³ Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 20/02/2023 của UBND tỉnh

⁶⁴ 07 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; 12 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên; 65 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; 26 đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

⁶⁵ Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 của UBND tỉnh

⁶⁶ Kế hoạch số 44/QĐ-UBND ngày 10/3/2023 của UBND tỉnh

⁶⁷ Kế hoạch 67/KH-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh

2023-2025⁶⁸; Quyết định ban hành Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các sở, ban, ngành, các huyện, thị xã, thành phố tỉnh Bình Định⁶⁹. Các sở, ngành, địa phương đã kịp thời các kế hoạch của tỉnh, cơ bản đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ đã góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh bước đầu đạt kết quả khả quan.

- Kết quả xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật: Tăng cường xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó chú trọng việc rà soát, đánh giá hiện trạng cung cấp dịch vụ viễn thông tại các vùng lõm, khu vực đồi núi đi lại khó khăn để có giải pháp phát triển dịch vụ hỗ trợ, phục vụ công tác chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đề nghị các doanh nghiệp có giải pháp triển khai băng thông internet chất lượng cao, chú trọng phủ sóng 3G/4G đối với những vùng miền núi, vùng lõm, vùng đi lại khó khăn.

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp trang thiết bị tại Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) và mở rộng dịch vụ giám sát, điều hành giao thông; đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật Data Center và các hệ thống bản quyền phần mềm; rà soát nhu cầu về hạ tầng CNTT để triển khai thuê hạ tầng CNTT tập trung của tỉnh trên nền điện toán đám mây.

- Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng: Triển khai xây dựng phần mềm chuyển đổi số về ứng phó thiên tai đối với 4 kịch bản bão và 3 kịch bản lũ theo cấp độ rủi ro trên địa bàn tỉnh; đầu tư trang thiết bị hệ thống Đài truyền thanh thông minh tại 03 xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

Triển khai nhiệm vụ xây dựng phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức; triển khai hệ thống CSDL ngành giáo dục; hoàn thành việc xây dựng phần mềm quản lý công việc tích hợp trên hệ thống Văn phòng điện tử; Tổ chức tập huấn triển khai phần mềm quản lý công việc cho cán bộ, công chức các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số tỉnh Bình Định theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến kết nối 3 cấp từ tỉnh về huyện, xã để trao đổi, thảo luận và bàn giải pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm. Đến nay, 30 nhiệm vụ thuộc nhóm xây dựng nền tảng số - chính phủ số - dữ liệu số đang được triển khai đảm bảo tiến độ theo Kế hoạch chuyển đổi số.

- Kết quả xây dựng và phát triển dữ liệu: Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xây dựng CSDL chuyên ngành và Kho dữ liệu dùng chung tại Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 10/3/2023 của UBND tỉnh. Hiện các sở, ban, ngành đang đẩy mạnh việc xây dựng CSDL của ngành mình, các địa phương đang tập trung nâng cấp hạ tầng, bố trí nhân lực đề số hóa, nhập liệu và khai thác sử dụng. Trong đó, ưu tiên triển khai các hệ thống thông tin kinh tế - xã hội, hệ thống báo cáo, hệ thống quản lý đất đai của tỉnh.

⁶⁸ Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 03/4/2023 của UBND tỉnh

⁶⁹ Quyết định số 1901/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của UBND tỉnh

Trong kỳ đã thực hiện việc đề nghị Ban cơ yếu Chính phủ cấp chữ ký số cho 03 tổ chức, 311 cá nhân và thay đổi thông tin chứng thư số cho 04 cá nhân, nâng tổng số chữ ký số đã cấp gần 4.371 chữ ký số chuyên dùng cá nhân và 720 chữ ký số chuyên dùng tổ chức và hơn 800 sim PKI cho các cá nhân; 100% các cơ quan nhà nước, đoàn thể từ cấp tỉnh đến cấp xã và cá nhân lãnh đạo từ cấp phòng trở lên để thực hiện ký số văn bản điện tử gửi, nhận trên môi trường mạng thay thế văn bản giấy.

- Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng dịch vụ người dân, doanh nghiệp: Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý, điều hành, sản xuất kinh doanh; thúc đẩy chuyển giao công nghệ số, kích thích sáng tạo, khuyến khích khởi nghiệp phát triển công nghệ số, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ số; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Bình Định đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; Kế hoạch tập huấn hỗ trợ hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh năm 2023; tiếp tục phối hợp với các đơn vị để tập trung hỗ trợ 100% sản phẩm đạt chuẩn OCOP lên sàn thương mại điện tử. Kết nạp Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Định là thành viên Chuỗi Công viên phần mềm Quang Trung và được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành tại Quyết định số 260/QĐ-TTg ngày 18/3/2023.

- Về an toàn thông tin mạng: Phối hợp với Trung tâm Giám sát an ninh mạng quốc gia kiểm tra, chứng nhận cho các trang thông tin điện tử (website) tuân thủ các tiêu chuẩn về an toàn thông tin giúp nhận biết nhanh, chính xác các website an toàn, tin cậy và tín nhiệm mạng cho 33 website của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; xây dựng, ban hành Kế hoạch công tác năm 2023 của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh và triển khai thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng cho thiết bị camera giám sát trên địa bàn tỉnh. Thực hiện việc rà soát đối với 146 tên miền con thuộc tên miền “binhdinh.gov.vn” do Sở Thông tin và Truyền thông quản lý, vận hành có nội dung không phù hợp trên website của cơ quan nhà nước (.gov.vn) theo chỉ đạo của UBND tỉnh và đề nghị của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Tổ chức thu thập thông tin, số liệu để đề xuất tổng thể các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, đồng thời hướng dẫn các cơ quan, đơn vị địa phương trên địa bàn tỉnh xác định và thực hiện bảo vệ hệ thống thông tin theo cấp độ; thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh thông qua việc tạo tài khoản và phân quyền sử dụng nền tảng để hỗ trợ điều phối, ứng cứu xử lý sự cố cho các thành viên Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh; thông báo đến các thành viên của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh biết, tích cực sử dụng và khai thác nền tảng.

- Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh: Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) của tỉnh tiếp tục được đầu tư nâng cấp, hoàn thiện. Hoạt động Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh hiện có 08

dịch vụ, gồm: Dịch vụ giám sát an toàn thông tin; dịch vụ phản ánh hiện trường; dịch vụ giám sát, điều hành giao thông đã thực hiện cung cấp thông tin giao thông cho người dân qua Website và ứng dụng di động Android, iOS; dịch vụ giám sát, an ninh trật tự đô thị với 35 camera quan sát và 39 camera xử lý vi phạm giao thông; dịch vụ giám sát thông tin trên môi trường mạng; hệ thống giám sát dịch vụ công; dịch vụ trung tâm thông tin kinh tế - xã hội và Dashboard tổng hợp giám sát điều hành. Ngoài ra, Trung tâm IOC đã kết nối với dịch vụ giám sát tàu cá của Tổng cục Thủy sản xây dựng và vận hành, hỗ trợ công tác tìm kiếm cứu nạn và theo dõi cảnh báo khi tàu cá vi phạm lãnh hải của nước ngoài.

- Tình hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

+ UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo đẩy mạnh việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh; chú trọng việc kết nối liên thông phần mềm một cửa điện tử của tỉnh với các phần mềm chuyên ngành của Trung ương phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần. Cho đến hiện nay, tỉnh đang cung cấp **1315** dịch vụ công trực tuyến **toàn trình**, đạt tỷ lệ **71,58%** tổng số thủ tục hành chính của tỉnh, **97** dịch vụ công trực tuyến một phần, đạt tỷ lệ **5,28%** tổng số thủ tục hành chính của tỉnh và còn **425** dịch vụ công chưa cung cấp trực tuyến, chiếm tỷ lệ **23,14%** tổng số thủ tục hành chính của tỉnh. Riêng đối với 425 dịch vụ công chưa cung cấp trực tuyến này, các sở, ngành của tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh đã thực hiện rà soát, đánh giá không đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình hoặc một phần theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ và Thông tư số 01/2023/TT-VPCP của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ. Trong 6 tháng đầu năm 2023, toàn tỉnh tiếp nhận 80.833 hồ sơ trực tuyến, tăng 35.962 hồ sơ so với cùng kỳ năm trước. Tổng giao dịch thanh toán trực tuyến phí/lệ phí: 113150 giao dịch trong đó giao dịch thành công 92573 giao dịch với tổng số tiền giao dịch 6.150.827.567 đồng.

+ Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Đề án phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến ban hành kèm theo Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh (gọi tắt là Đề án 5299), Ban Thường vụ Tỉnh đoàn Bình Định đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án trong năm 2023⁷⁰. Theo đó, đã triển khai các mô hình hoạt động của lực lượng đoàn viên, thanh niên trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân tạo tài khoản sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia để nộp hồ sơ TTHC trực tuyến như: (i) Mô hình “Tổ công nghệ số thanh niên” hoạt động cơ động tại các địa điểm công cộng và trên địa bàn khu dân cư vào các ngày Chủ nhật hàng tuần; (ii) Mô hình “Đội thanh niên tình nguyện thực hiện dịch vụ công trực tuyến” hoạt động thường xuyên, liên tục tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã.

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã ký kết giao ước với Đoàn trường Đại học Quy Nhơn và Đoàn trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy

⁷⁰ Kế hoạch số 38-KH/TĐTN-TTNTH ngày 20/02/2023.

Nhơn để tổ chức Đội thanh niên tình nguyện thực hiện dịch vụ công trực tuyến để hỗ trợ việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến hằng ngày tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. 100% địa phương cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh thành lập “Đội thanh niên tình nguyện thực hiện dịch vụ công trực tuyến” để hỗ trợ việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã.

Văn phòng UBND tỉnh đã phối hợp tham gia tổ chức 02 buổi tập huấn, hướng dẫn kỹ năng thực hiện dịch vụ công trực tuyến, giải đáp các thắc mắc trong quá trình triển khai thực hiện cho “Tổ công nghệ số thanh niên” và “Đội thanh niên tình nguyện thực hiện dịch vụ công trực tuyến”; ban hành văn bản⁷¹ đề nghị các đơn vị viễn thông trên địa bàn tỉnh phối hợp với “Tổ công nghệ số thanh niên” xác minh, cập nhật lại thông tin thuê bao di động chính chủ cho người dân phục vụ cho việc tạo tài khoản sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia; xây dựng và vận hành Hệ thống báo cáo Đề án 5299 (tại địa chỉ <https://dean5299.binhding.gov.vn>) để hỗ trợ việc theo dõi, đôn đốc, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu theo thời gian thực thông qua việc thiết lập mốc chỉ tiêu cụ thể cho từng tổ chức Đoàn Thanh niên. Qua theo dõi, số lượng tài khoản sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia được người dân trên địa bàn tỉnh tạo lập kể từ ngày 01/5/2022 đến nay là 86.900 tài khoản, **tăng 2.356%** so với giai đoạn kể từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/4/2022 (giai đoạn chưa thực hiện “Đề án 5299”) là 3.538 tài khoản; số lượng hồ sơ thủ tục hành chính được thực hiện trực tuyến kể từ ngày 01/5/2022 đến nay là 179.930 hồ sơ, **tăng 1.184%** so với giai đoạn kể từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/4/2022 là 14.013 hồ sơ.

- Tình hình triển khai Đề án 06: UBND tỉnh đã tham mưu Ban Cán sự Đảng trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án 06⁷², đồng thời ban hành văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Chỉ thị⁷³; ban hành văn bản chỉ đạo triển khai nhiệm vụ tháo gỡ các điểm nghẽn của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ⁷⁴.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Sự quan tâm, chỉ đạo sát sao, thường xuyên của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh trong quá trình chỉ đạo thực hiện đã nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tác động tích cực đến hành động của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương về cải cách hành chính. UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã có sự đổi mới về chỉ đạo, điều hành, phương thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính. Trong các Hội nghị đánh giá tình hình kinh tế - xã hội định kỳ hàng tháng, UBND tỉnh đã tiến hành đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, tập trung trên một số nội dung: tình hình thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao

⁷¹ Công văn số 109/VPUBND-KSTT ngày 08/3/2023 về việc phối hợp, hỗ trợ thực hiện công việc liên quan đến Đề án 5299 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁷² Chỉ thị số 32-CT/TU ngày 27/4/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

⁷³ Công văn số 3082/UBND-KSTT ngày 17/5/2023 của UBND tỉnh.

⁷⁴ Công văn số 3536/UBND-KSTT ngày 01/6/2023 của UBND tỉnh.

cho các sở, ngành, địa phương; tình hình giải quyết hồ sơ TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ TTHC, khai thác cơ sở dữ liệu dân cư trong giải quyết TTHC. Qua đó giúp nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính, góp phần hoàn thành tốt các nhiệm vụ cải cách hành chính gắn với các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian qua.

- Công tác kiểm soát thủ tục hành chính từng bước đi vào nề nếp, việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ hành chính công đã có những chuyển biến tích cực, mang lại sự hài lòng cho tổ chức và công dân.

- Công tác xây dựng đội ngũ công chức, viên chức được đặc biệt chú trọng đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Việc áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý được thực hiện đạt hiệu quả cao hơn, phù hợp với một nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại.

2. Một số hạn chế và khó khăn, vướng mắc

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc giải quyết thủ tục hành chính liên thông còn gặp một số bất cập dẫn đến tình trạng giải quyết hồ sơ trễ hạn, đặc biệt đối với các thủ tục hành chính trên lĩnh vực đất đai, đầu tư.

- Việc lựa chọn, triển khai phương án hợp tác truyền thông với các cơ quan báo chí về thực hiện các nhiệm vụ liên quan công tác thông tin, truyền thông về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh và công tác quảng bá hình ảnh về tỉnh trên các báo Trung ương và các báo thường trú tại tỉnh còn chậm, chưa đúng tiến độ. Đây là nhiệm vụ mới, chưa có tiền lệ nên việc xây dựng dự toán, đề xuất các định mức cơ sở để áp dụng gặp nhiều khó khăn.

- Công tác thực hiện chuyển đổi số chưa thực sự đồng bộ trên các lĩnh vực do thiếu khung khổ pháp lý, chưa có sự thống nhất chung trong sử dụng phần mềm phục vụ công tác quản lý và điều hành, giải quyết công việc, tích hợp và chia sẻ dữ liệu.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG THỜI GIAN ĐẾN

1. Chỉ đạo các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “*về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*”; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị “*về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030*”; Kết luận số 50-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*” một cách đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với thực tiễn đơn vị, địa phương.

2. Tổ chức thực hiện việc sơ kết giữa nhiệm kỳ, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hành động số 09-Ctr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 - 2025.

3. Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Thay đổi tư duy, cách tiếp cận trong phương thức tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ để công tác cải cách hành chính của từng cơ quan, đơn vị, địa phương nói riêng và của tỉnh nói chung từng bước có sự chuyển biến theo hướng thực chất, bền vững, tránh tình trạng đối phó, thành tích.

4. Các sở, ngành, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung đề xuất, thực hiện phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian, quy trình giải quyết thủ tục hành chính, đặc biệt trên các lĩnh vực: đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, phòng cháy chữa cháy. Phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đội thanh niên tình nguyện thực hiện dịch vụ công trực tuyến tại các địa phương đề hướng dẫn, phổ cập kỹ năng số, thực hiện dịch vụ công trực tuyến cho người dân trong quá trình thực hiện chuyển đổi số.

5. Tiếp tục đẩy mạnh việc rà soát, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bên trong của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm các tiêu chí về thành lập tổ chức theo quy định của Chính phủ; nghiên cứu, thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp theo Thông báo số 50-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII *"Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả"*. Triển khai xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025; Xây dựng lại phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 – 2025.

6. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính. Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng đề án vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành, vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành của viên chức theo Thông tư hướng dẫn của Bộ ngành và theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Triển khai thực hiện Đề án thi tuyển cạnh tranh vào các vị trí quản lý cấp phòng, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành của tỉnh.

7. Tập trung xây dựng, hoàn thiện Danh mục dịch vụ công, các quy định về khung giá dịch vụ sự nghiệp công, định mức kinh tế - kỹ thuật theo các quy định, hướng dẫn của Trung ương, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh theo

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

8. Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng nhiệm vụ được giao triển khai xây dựng và phát triển các cơ sở dữ liệu nhằm phục vụ, nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan nhà nước và chất lượng cung ứng dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06) trên địa bàn tỉnh.

9. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh”. Rà soát, đơn giản hóa, cắt giảm thời gian giải quyết các thủ tục hành chính liên thông nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

10. Đẩy mạnh thực hiện “Năm dữ liệu số, tạo lập và khai thác dữ liệu để tạo ra giá trị mới”. Tiếp tục hoàn thiện, kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia, các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Công Dịch vụ công quốc gia và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp. Xây dựng và phát triển các cơ sở dữ liệu, nền tảng ứng dụng dùng chung của tỉnh nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan nhà nước và chất lượng cung ứng dịch vụ công cho người dân, tổ chức trên môi trường số. Tập trung xây dựng, phát triển, hoàn thiện cơ sở dữ liệu của sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong việc thanh toán không dùng tiền mặt các lĩnh vực thuế, phí, ngân hàng...

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương liên quan sớm ban hành Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm đối với công chức nghiệp vụ chuyên ngành theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ; vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ.

2. Đề nghị Bộ Nội vụ sớm xây dựng Đề án đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức lại hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập trong đó cần xây dựng cụ thể danh mục các đơn vị sự nghiệp công lập thống nhất trong cả nước để địa phương thực hiện.

3. Đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định về thời hiệu xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức cho phù hợp với quy định của Bộ Chính trị về thời hiệu kỷ luật đảng viên vi phạm.

4. Đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, hướng dẫn quy trình xét thăng hạng đặc cách chức danh nghề nghiệp theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ vì hiện nay chưa có hướng dẫn

về quy trình, như việc thành lập Hội đồng, phê duyệt chỉ tiêu và đề xuất bỏ quy định thi nâng ngạch, thi thăng hạng như hiện nay và chuyển sang thực hiện xét nâng ngạch, xét thăng hạng đối với cán bộ, công chức, viên chức.

5. Đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, bãi bỏ quy định thay đổi chức danh nghề nghiệp viên chức tại Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BNV ngày 03/7/2019 của Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức vì quy định tại khoản 2 Điều 6 về xét chuyển sang chức danh nghề nghiệp khác cùng hạng đối với viên chức phải thông qua kiểm tra, sát hạch là không còn phù hợp với quy định tại Điều 29, Điều 30 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

6. Để nhận và tích hợp các thông tin về đăng ký doanh nghiệp vào Hệ thống thông tin một cửa điện tử tại địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần tiếp tục quan tâm thực hiện chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để tạo lập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thống nhất giữa các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

UBND tỉnh Bình Định trân trọng báo cáo Bộ Nội vụ xem xét tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- Cục Chuyển đổi số quốc gia;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Bình Định;
- Ban Thường vụ Tỉnh đoàn;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- THCB, PVHCC, HCTC;
- Tổ CCHC của VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KSTT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

Phụ lục I
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / / 2023 của UBND tỉnh Bình Định)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/6/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (<i>Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt</i>)	Văn bản	65	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (<i>Lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	%	51.85	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	27	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	14	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	-	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	-	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	-	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	-	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	-	
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/6/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	2	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	-	
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	113	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	24	Đang tiếp tục triển khai thực hiện theo quy định đối với 87 nhiệm vụ trong hạn
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	2	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	-	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	-	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	-	
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL⁷⁵ do địa phương ban hành	Văn bản	94	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	60	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	34	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	34	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	34	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	34	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	34	

⁷⁵ Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	18	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	25	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	38	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục		
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	1.547	
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	362	
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	160	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	289	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	143	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	-	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,97	(3.1.2)/(3.1.1)
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	46.076	
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	46.063	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,85	(3.2.2)/(3.2.1)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	66.933	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	66.837	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,90	(3.3.2)/(3.3.1)
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	131.907	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	131.775	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	28	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	28	

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/6/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	3	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	-	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	721	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	07	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	112	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	602	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	17,41	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	2.187	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	2.041	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	-	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	07	Thực hiện chế độ tinh giản
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	11	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	25.938	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	24.285	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	29	Thực hiện chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/6/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				sách tỉnh giảm
3.4.	Tỷ lệ % đã tỉnh giảm so với năm 2015	%	14	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/6/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	22/22	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	721/721	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	-	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức		474	
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	-	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	14	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	4	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	456	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	-	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	-	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		1	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	-	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	1	Chủ tịch UBND TP Quy Nhơn
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	-	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người	-	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/6/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	17.609.049	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	4.213.910	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	737	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	8	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	38	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	198	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	9	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	32	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	157	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	493	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/6/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%	100	
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	100	
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/6/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.4.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	402	
6.4.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	402	
6.4.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	201	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.5.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	893	
6.5.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	893	
6.5.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	311	
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%		
6.6.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	1.295	
6.6.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1.412	Còn các TTHC đã hạ mức độ trực tuyến chưa

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/6/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				<i>bỏ công khai</i>
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (<i>Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ</i>)	%	0,72	
6.7.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	50.676	
6.7.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	36.661	
6.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
6.8.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	541	
6.8.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	541	

Phụ lục II
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023
TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / / 2023 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH		
1	Tổ chức tổng kết công tác cải cách hành chính năm 2022 và triển khai nhiệm vụ công tác cải cách hành chính tỉnh năm 2023	Kế hoạch 24/KH-UBND ngày 20/02/2023 tổ chức Hội nghị tổng kết công tác cải cách hành chính năm 2022	Sở Nội vụ
1.1	Công bố kết quả đánh giá Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ngành, địa phương (DDCI) năm 2022	Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 31/02/2023; Quyết định số 4509/QĐ-UBND ngày 29/12/2022; Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 22/02/2023	Sở Nội vụ; Sở Kế hoạch và Đầu tư
1.2	Khen thưởng tổ chức, cá nhân đạt thành tích trong phong trào thi đua cải cách hành chính năm 2022	Quyết định 599/QĐ-UBND ngày 01/3/2023	Sở Nội vụ
2	Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2023	Quyết định 707/QĐ-UBND ngày 28/02/2023	Sở Nội vụ
3	Kế hoạch truyền thông về cải cách hành chính năm 2023	Tờ trình 19/TTr-STTTT ngày 09/3/2023	Sở Thông tin và Truyền thông
4	Triển khai các hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày		

	14/5/2021 của Tỉnh ủy năm 2023		
4.1	Kế hoạch sơ kết giữa nhiệm kỳ Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy	Kế hoạch số 02-KH/BCĐ ngày 12/5/2023 của Ban Chỉ đạo	Sở Nội vụ
4.2	Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy	Kế hoạch số 03-KH/BCĐ ngày 12/5/2023 của Ban Chỉ đạo	Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ		
5	Ban hành các kế hoạch: Kế hoạch ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2023	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở Tư pháp
6	Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Kế hoạch số 329/QĐ-UBND ngày 06/02/2023	Sở Tư pháp
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		
7	Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023	Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 31/01/2023	Văn phòng UBND tỉnh
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC		
8	Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Quyết định 424/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Xúc tiến đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Nội vụ

V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ		
9	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030	Kế hoạch số 2106/QĐ-UBND ngày 13/6/2023	Sở Nội vụ
10	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 -2025.	Kế hoạch số 424/QĐ-UBND ngày 17/2/2023	Sở Nội vụ
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ		
11	Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023, định hướng đến năm 2025	Kế hoạch số 44/QĐ-UBND ngày 10/3/2023	Sở Thông tin và Truyền thông
12	Đề án kho dữ liệu dùng chung	Kế hoạch số 44/QĐ-UBND ngày 10/3/2023	Sở Thông tin và Truyền thông
13	Ban hành danh mục thủ tục hành chính thực hiện thí điểm chỉ tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Định	Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 05/4/2023	Văn phòng UBND tỉnh
14	Đề án đẩy mạnh chuyển đổi số tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm nâng cao công tác phục vụ cho hoạt động chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 16/5/2023	Văn phòng UBND tỉnh